

THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH THEO CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI

HẠNG MỤC: KHU THỂ THAO XÃ

A. THUYẾT MINH

I. Căn cứ pháp lý

1. Cơ sở nghiên cứu

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về việc: Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
- Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;
- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 10/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới;
- Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;
- Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 498/QĐ-TTg, ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

- Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 96/2013/NQ-HDND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2014 - 2020;

- Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ kinh phí đầu tư từ Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đối với một số công trình xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 4016 /QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập thiết kế - dự toán Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (giai đoạn 2) các công trình xây dựng theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Thông báo số 343/TB-UBND ngày 13/8/2015 của UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Đinh Văn Thu tại cuộc họp giao ban ngày 03 và ngày 04/8/2015 về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh;

- Thông báo số 405/TB-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại buổi làm việc với UBND huyện Phú Ninh và thị xã Điện Bàn về thực hiện kế hoạch đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2015;

- Thông báo số 454/TB-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Đinh Văn Thu tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Nam quý III năm 2016.

2. Các tài liệu tiêu chuẩn vận dụng trong nghiên cứu

a. Tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc.

Tiêu chuẩn, quy định áp dụng: TCVN 287:2004 - Công trình thể dục thể thao. Các sân thể thao. Tiêu chuẩn thiết kế.

b. Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu

- TCVN 5574 – 2012. Kết cấu bê tông cốt thép;

- TCVN 2737- 1995. Tải trọng và tác động;

- TCVN 9379 – 2012. Kết cấu xây dựng và nền;

- TCXDVN 198 – 1997. Thiết kế bê tông cốt thép toàn khối;

- TCVN 5575 – 2012. Kết cấu thép;
- TCVN 9362 – 2012. Thiết kế nền nhà và công trình.

II. Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Nam.
2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

III. Nội dung thiết kế

1.1. Nội dung và quy mô thiết kế

Thiết kế khu thể thao xã bao gồm các hạng mục sau:

- + 01 sân bóng chuyền: Diện tích 532m²;
- + 02 sân cầu lông: Diện tích 292,7m²;
- + 01 khán đài: Diện tích 162m², cao 1,5m;
- + Sân bóng đá;
- + Điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

1. Sân bóng chuyền

- Xung quanh là khu tự do rộng ít nhất 5m về tất cả mọi phía.
- Mặt sân bằng phẳng, không trơn trượt, có độ đồng nhất, thoát nước tốt.
- Cột lưới sân bóng chuyền phải tròn, nhẵn, không gây nguy hiểm cho người sử dụng. Chi tiết liên kết giữa cột, lưới với nền phải ổn định, tháo lắp dễ dàng, an toàn.
- Quy cách, kích thước các bộ phận: Cột, lưới sân bóng chuyền: Cột cao 2,55m kể từ mặt sân, cột sắt Φ 90, chôn sâu 50cm; lưới rộng 01m, dài 9,5m; chiều cao mép trên của lưới so với mặt sân: 2,43m cho nam và 2,24m cho nữ.
- Độ dốc thoát nước cho phép của mặt sân là 5mm/m (5‰).

2. Sân cầu lông

- Mặt sân tương tự sân bóng chuyền.

- Quy cách, kính thước các bộ phận: Cột lưới sân cầu lông cao 1,55m kể từ mặt sân, đường kính 30mm, chôn sâu 50cm; chiều cao mép trên của lưới so với mặt sân là 1,55m so với đường biên dọc và 1,524m ở vị trí giữa sân.

3. Khán đài

Quy mô diện tích khoảng 306m². Bao gồm khu vực sân khấu biểu diễn, tổ chức các nghi lễ; khu vực bố trí ghế ngồi hai bên sân khấu.

1.2. Giải pháp kiến trúc

- Hình thức, bố cục và màu sắc công trình cần phù hợp với khu vực đặt công trình. Hướng của các khối chức năng chính phải đảm bảo đón được gió chủ đạo về mùa hè. Tận dụng được ánh sáng tự nhiên để chiếu sáng tối đa cho công trình.

1.3. Giải pháp kết cấu và sử dụng vật liệu

a. Vật liệu: Vật liệu được áp dụng chung cho các công trình trừ những cấu kiện sử dụng vật liệu khác được chỉ định cụ thể trong bản vẽ thiết kế chi tiết.

- Bê tông lót dùng bê tông đá 4x6, cấp độ bền B3,5 (tương đương M50).

Bê tông móng, cột, dầm và các cấu kiện khác dùng bê tông đá 1x2, cấp độ bền B15 (tương đương M200)

- Thép được sử dụng là loại thép cán nóng (khối lượng riêng 7850kg/m³). Tính chất cơ học của cốt thép phải tuân theo tiêu chuẩn TCVN 1651:2008.

b. Móng: Móng được thiết kế với cường độ đất giả định là 1,2kg/cm². Trong quá trình áp dụng, khi thi công công trình cần báo cho phòng Kinh tế-Hạ tầng huyện để xem xét, quyết định.

c. Hệ khung chính: Cột, dầm dùng bê tông đá 1x2 B15 tương đương M200.

d. Hệ thống kết cấu bao che: Tường xây gạch không nung VXM mác 50. Trát tường dày 1,5cm, vữa xi măng cát mịn mác 50.

- Tùy từng địa phương có thể dùng vật liệu sẵn có tại địa phương mà không ảnh hưởng tới chất lượng xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc.

- Phương pháp thi công: cơ giới kết hợp thủ công, tận dụng nhân công tại chỗ.

1.4. Công tác hoàn thiện

- Nền : Lát vữa XM cát vàng M75, dày 20.

Bê tông nền đá 1x2 M150, dày 100

IV. Hướng dẫn áp dụng

1. Phần thiết kế :

- Phần móng công trình : - Khu vực đồng bằng được giả định với cường độ đất nền là 1.2kg/cm^2 .
- Khu vực miền núi được giả định với cường độ đất nền là 1.3kg/cm^2 .

Khi triển khai thiết kế thi công, phải tiến hành khảo sát, đánh giá địa chất công trình và điều chỉnh phần thiết kế móng đối với các công trình có cường độ đất nền nhỏ hơn giả định.

2. Phần kinh tế xây dựng : (Xem phần dự toán trong tập thiết kế mẫu)

a. Định mức xây dựng :

- Định mức phân xây dựng áp dụng theo công văn số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của BXD về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng và quyết định số 1172/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2012 của BXD V/v công bố Định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng (Sửa đổi và bổ sung).

- Định mức phân lắp đặt áp dụng công văn số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007 của BXD về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng và quyết định số 1173/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2012 của BXD V/v công bố Định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng (Sửa đổi và bổ sung).

- Quyết định số 1091/QĐ-BXD V/v bổ sung một số định mức theo công bố định mức xây dựng số 1776/BXD-VP ngày 26/11/2011 của BXD.

b. Vật liệu xây dựng: - Sử dụng xi măng PC40 khi xây dựng cấp phối vật liệu.

- Gạch xây sử dụng vật liệu không nung
- Các loại vật liệu khác phải đảm bảo chất lượng, đúng qui cách trong hồ sơ thiết kế.

c. Giá vật liệu : Giá trong dự toán lấy tại Thành phố Tam Kỳ vận chuyển 10km đường cấp 3, trong quá trình triển khai tùy vào giá thực tế tại địa phương Chủ đầu tư cần áp lại giá cho phù hợp.

Khuyến khích nghiên cứu sử dụng hợp lý, phù hợp quy định các loại vật liệu hiện có tại từng địa phương.

d. Phương pháp lập dự toán : Theo Công văn số 555/UBND-KTTH ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v hướng dẫn thanh toán, quyết toán vốn ngân sách hỗ trợ thực hiện các công trình theo cơ chế đầu tư đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

B. PHẦN THIẾT KẾ - Mẫu KTTX -01

- Qui mô thiết kế :

1 Sân cầu lông – Mẫu SBC-01

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Tỉ lệ (%)
1	Sân thi đấu	162	30,45
2	Hành lang an toàn	370	69,55
Tổng cộng		532	100

- Giải pháp kết cấu chủ yếu:

Kết cấu phần thân	Kết cấu mái	Kết cấu bao che
Móng,dầm bê tông cốt thép đá 1x2,M200.		Tường xây gạch rỗng.

2 Sân cầu lông – Mẫu SCL-01

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Tỉ lệ (%)
1	Sân thi đấu	163,48	44,32
2	Hành lang an toàn	205,4	55,68
Tổng cộng		368,88	100

- Giải pháp kết cấu chủ yếu:

Kết cấu phần thân	Kết cấu mái	Kết cấu bao che
Móng,dầm bê tông cốt thép đá 1x2,M200.		Tường xây gạch rỗng.

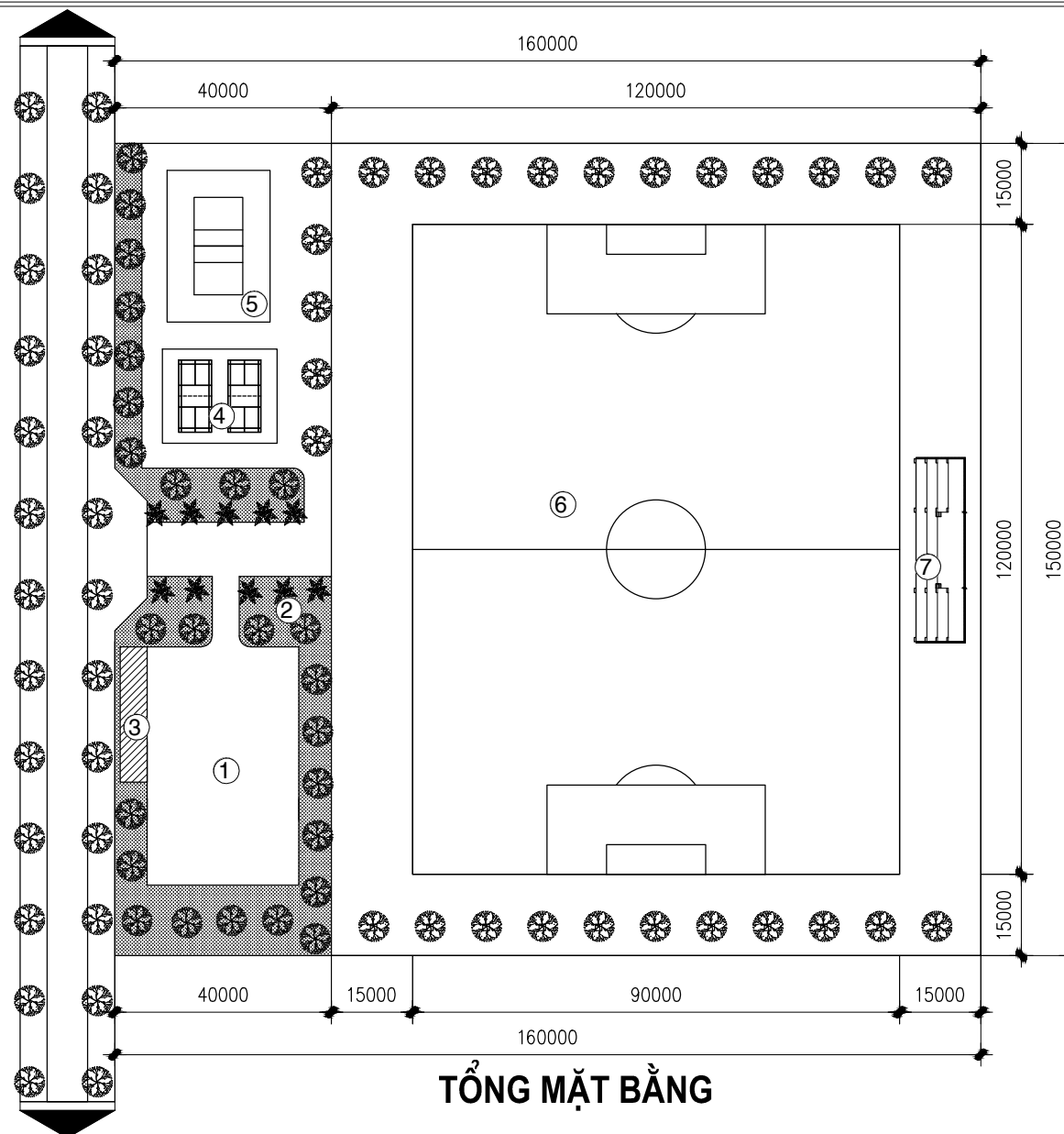
3 Khán đài – Mẫu KĐ-01

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Tỉ lệ (%)
1	Sân khấu	126	34,16
2	Khu vực bố trí chỗ ngồi	180	48,80
Tổng cộng		306	100

- Giải pháp kết cấu chủ yếu:

Kết cấu phần thân	Kết cấu mái	Kết cấu bao che
Móng,dầm bê tông cốt thép đá 1x2,M200.		Tường xây gạch rỗng.

- ① SÂN TẬP TRUNG
- ② SÂN VƯỜN, CÂY XANH
- ③ NHÀ XE
- ④ SÂN CẦU LÔNG
- ⑤ SÂN BÓNG CHUYỀN
- ⑥ SÂN BÓNG ĐÁ
- ⑦ KHÁN ĐÀI



CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqnam.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

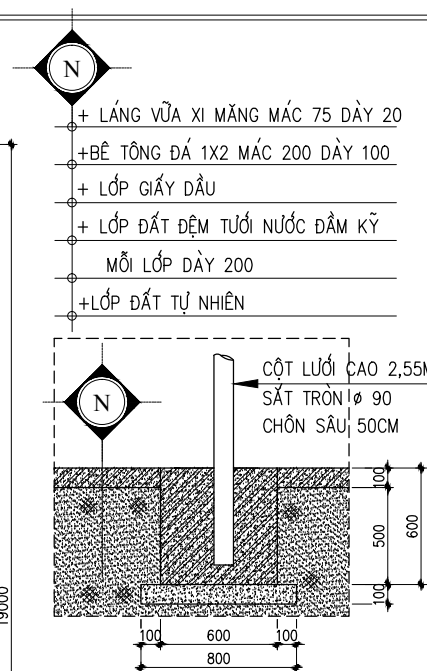
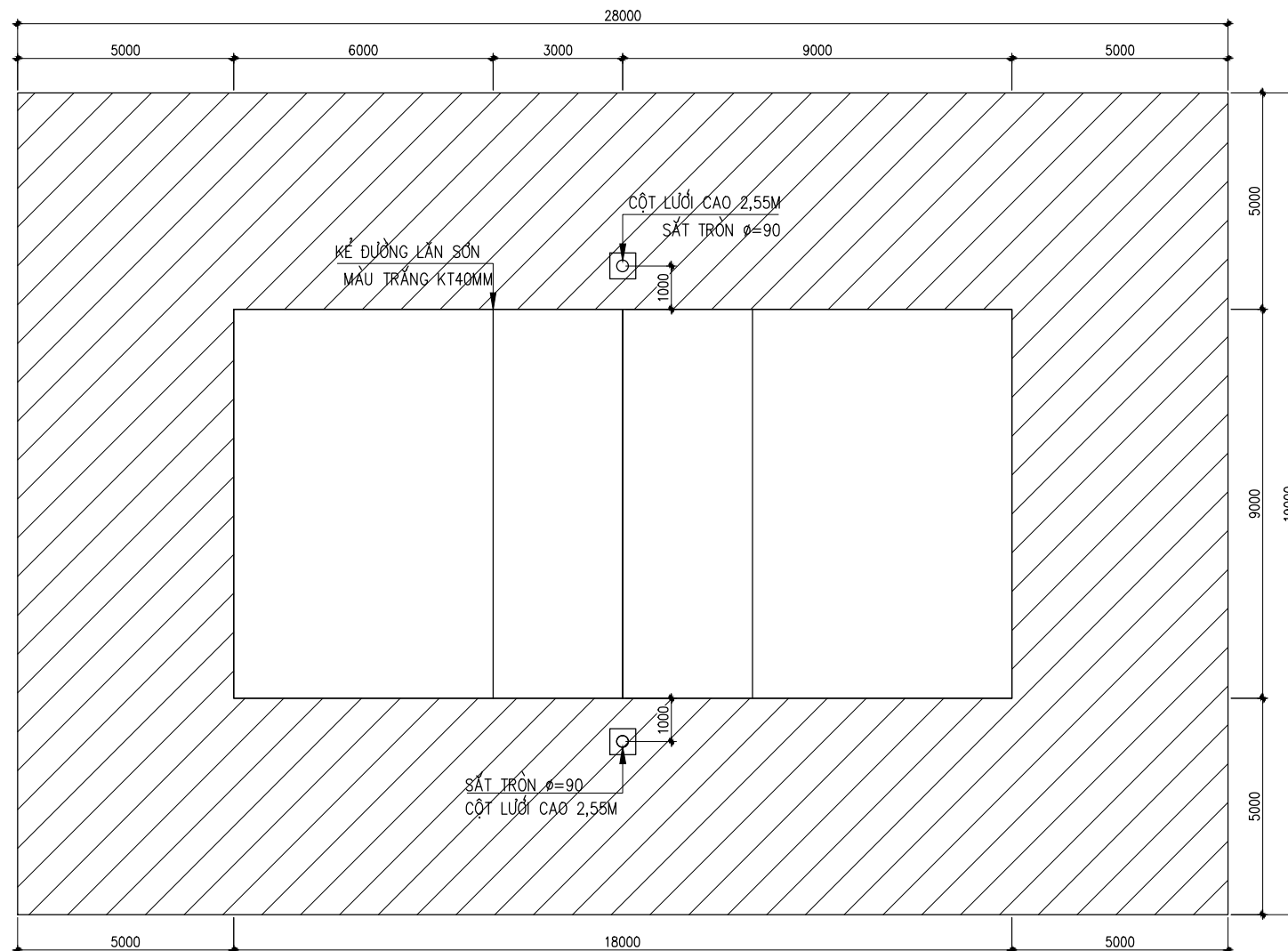
**KHU THỂ THAO X
MẪU QN-TTX-01**

TÊN BẢN VẼ

TỔNG MẶT BẰNG

NGÀY HT: 12-2016

KÝ HIỆU: KT: 01/06



SÂN BÓNG CHUYỀN

SÂN BÓNG CHUYỀN

- + ĐẤT TỰ NHIÊN PHẢI LÀM SẠCH, SAN GẠT TẠO MẶT BẰNG, ĐẦM CHẶT
- + TRÁI MỘT LỚP GIẤY DẦU TRƯỚC KHI ĐỔ BÊ TÔNG
- + BỎ ĐÁ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 200 DÀY 100, XAO NHẸN MẶT
- + LĂN SƠN TRẮNG TẠO CÁC VẠCH KẼ THI ĐẤU TỔNG 40MM
- + CỘT CAO 1.55M, ĐƯỜNG KÍNH 30MM, CHỖN SÂU 50CM (CHIỀU CAO MÉP TRÊN CỬA LƯỚI SƠ VỚI MẶT SÂN: 1,55M Ở ĐƯỜNG BIÊN ĐỌC VÀ 1,534M Ở VỊ TRÍ GIỮA SÂN)
- + DIỆN TÍCH SÂN THI ĐẤU: 163.48M²
- + DIỆN TÍCH HÀNG LANG BẢO VỆ: 370M²

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqnam.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

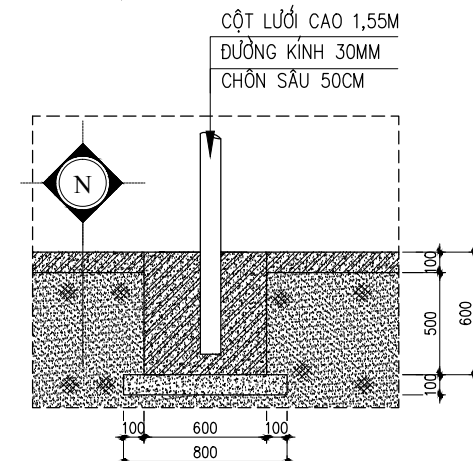
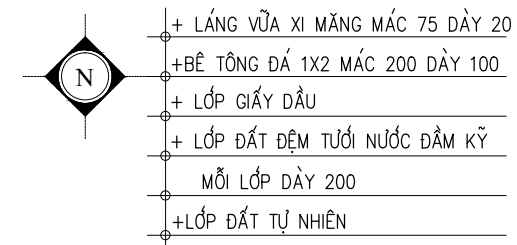
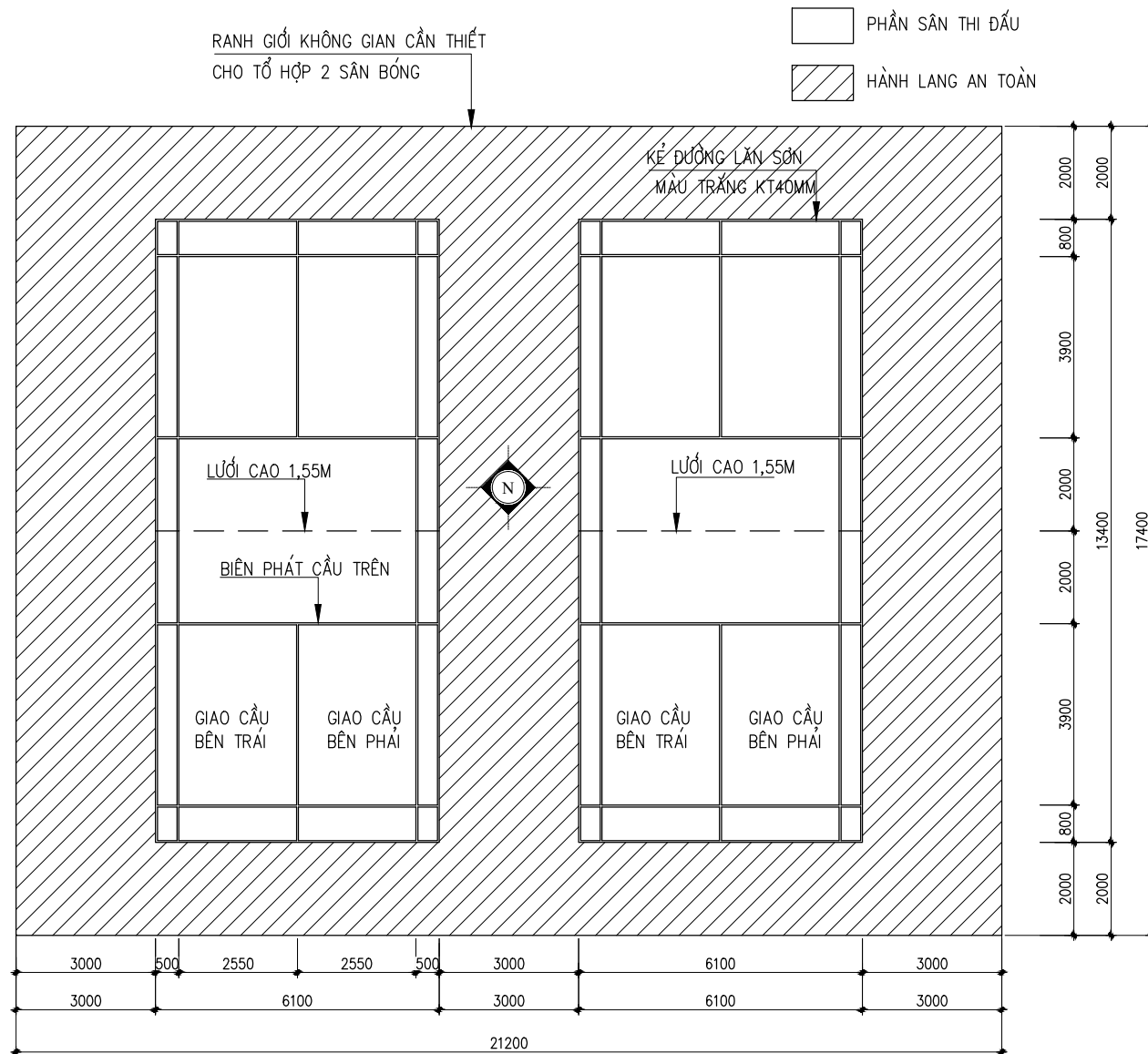
**SÂN BÓNG CHUYỀN
MẪU QN-SBC-01**

TÊN BẢN VẼ

SÂN BÓNG CHUYỀN

NGÀY HT: 12-2016

KÝ HIỆU: KT: 03/06



SÂN BÓNG CHUYÊN

- + ĐẤT TỰ NHIÊN PHẢI LÀM SẠCH, SAN GẠT TẠO MẶT BẰNG, ĐẦM CHẶT
- + TRẢI MỘT LỚP GIẤY DẦU TRƯỚC KHI ĐỔ BÊ TÔNG
- + BỔ ĐÁ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÀY 100, XAO NHẪN MẶT
- + LĂN SƠN TRẮNG TẠO CÁC VẠCH KẾ THI ĐẤU TÔNG 40MM
- + CỘT CAO 1.55M, ĐƯỜNG KÍNH 30MM, CHÔN SÂU 50CM (CHIỀU CAO MÉP TRÊN CỦA LƯỚI SỎ VỚI MẶT SÂN: 1,55M Ở ĐƯỜNG BIÊN DỌC VÀ 1,534M Ở VỊ TRÍ GIỮA SÂN), CỘT LƯỚI CÓ THỂ THÁO LẮP ĐƯỢC
- + DIỆN TÍCH SÂN THI ĐẤU: 163.48M²
- + DIỆN TÍCH HÀNG LANG BẢO VỆ: 205.40M²

SÂN CẦU LÔNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM
Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqnam.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH
SÂN CẦU LÔNG MẪU QN-SCL-01

TÊN BẢN VẼ
SÂN CẦU LÔNG
NGÀY HT: 12-2016 KÝ HIỆU: KT: 01/06

TỔNG HỢP VẬT T-

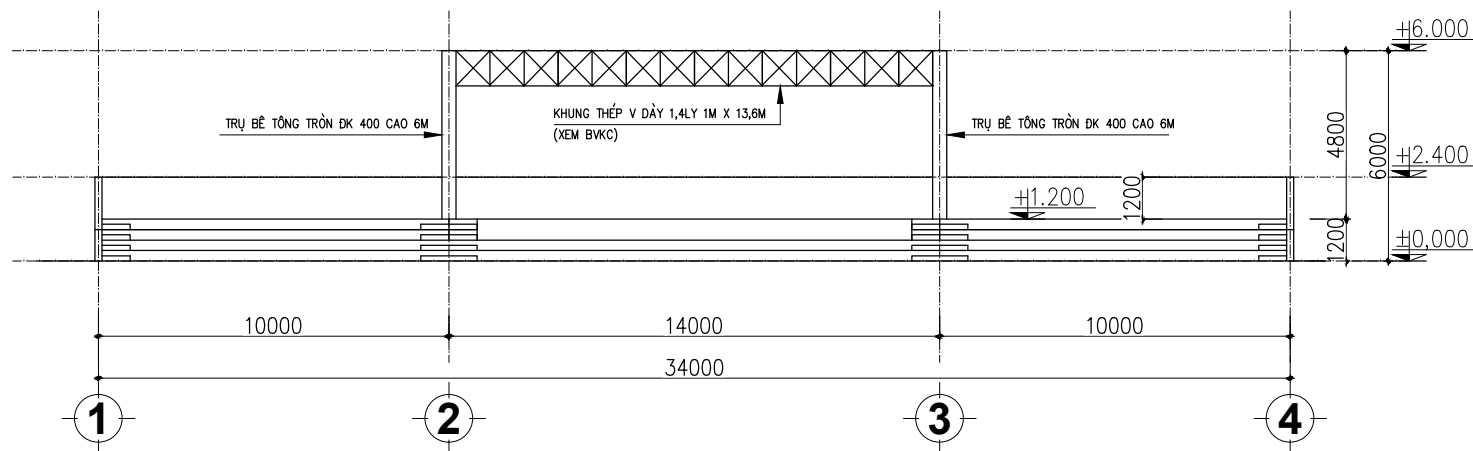
CÔNG TRÌNH: KHU THỂ THAO XÃ SÂN THỂ THAO - SÂN BÓNG CHUYÊN

STT	TÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU		
1	Đá dăm 1x2	m3	48,725
2	Đá dăm 4x6	m3	0,12
2	Cát vàng đỏ bê tông	m3	26,424
3	Cát vàng Ml>2	m3	15,029
4	Giấy dầu	m2	595,84
5	Thép hình	kg	3,857
6	Thép tấm	kg	5,616
5	Sơn ke vạch	kg	2,43
6	Cột lõi D90*3ly	m	6,2
7	Lõi cầu lông	m	11
7	Nước	lít	13.699
8	Xi măng PC40	kg	18.557
B	CHI PHÍ MÁY TC		
9	Máy trộn beton 250lít	ca	5,107
10	Đầm beton (bàn) 1kw	ca	0,011
10	Đầm beton (dùi) 1,5kw	ca	4,773
11	Máy trộn vữa 80lít	ca	1,596
C	CHI PHÍ NC		
12	Bạc 3/7	công	87,411
13	Bạc 3,5/7	công	6,278
14	Bạc 4/7	công	51,407

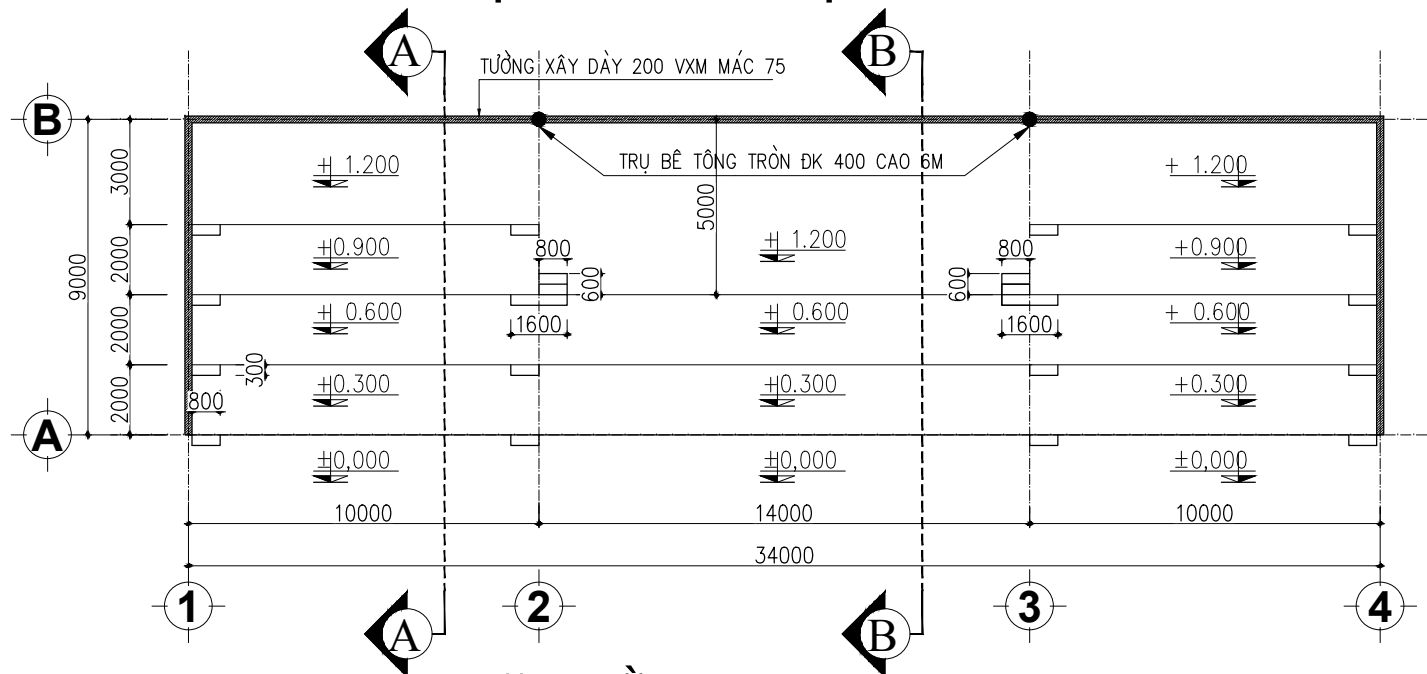
TỔNG HỢP VẬT T-

CÔNG TRÌNH: KHU THỂ THAO XÃ SÂN THỂ THAO - SÂN CẦU LÔNG

STT	TÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU		
1	Đá dăm 1x2	m3	34,3
2	Đá dăm 4x6	m3	0,24
2	Cát vàng đổ bê tông	m3	18,696
3	Cát vàng Ml>2	m3	10,421
4	Giấy dầu	m2	413,146
5	Thép hình	kg	4,796
6	Thép tấm	kg	6,984
5	Sơn ke vạch	kg	5,976
6	Cột lõi D49*2ly	m	8,4
7	Lưới cầu lông	m	12,2
7	Nước	lít	9.634
8	Xi măng PC40	kg	13.051
B	CHI PHÍ MÁY TC		
9	Máy trộn beton 250lít	ca	3,611
10	Đầm beton (bàn) 1kw	ca	0,023
10	Đầm beton (dùi) 1,5kw	ca	3,36
11	Máy trộn vữa 80lít	ca	1,107
C	CHI PHÍ NC		
12	Bạc 3/7	công	65,013
13	Bạc 3,5/7	công	4,353
14	Bạc 4/7	công	37,41



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-4 TL: 1/200



MẶT BẰNG TL: 1/200

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqnam.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

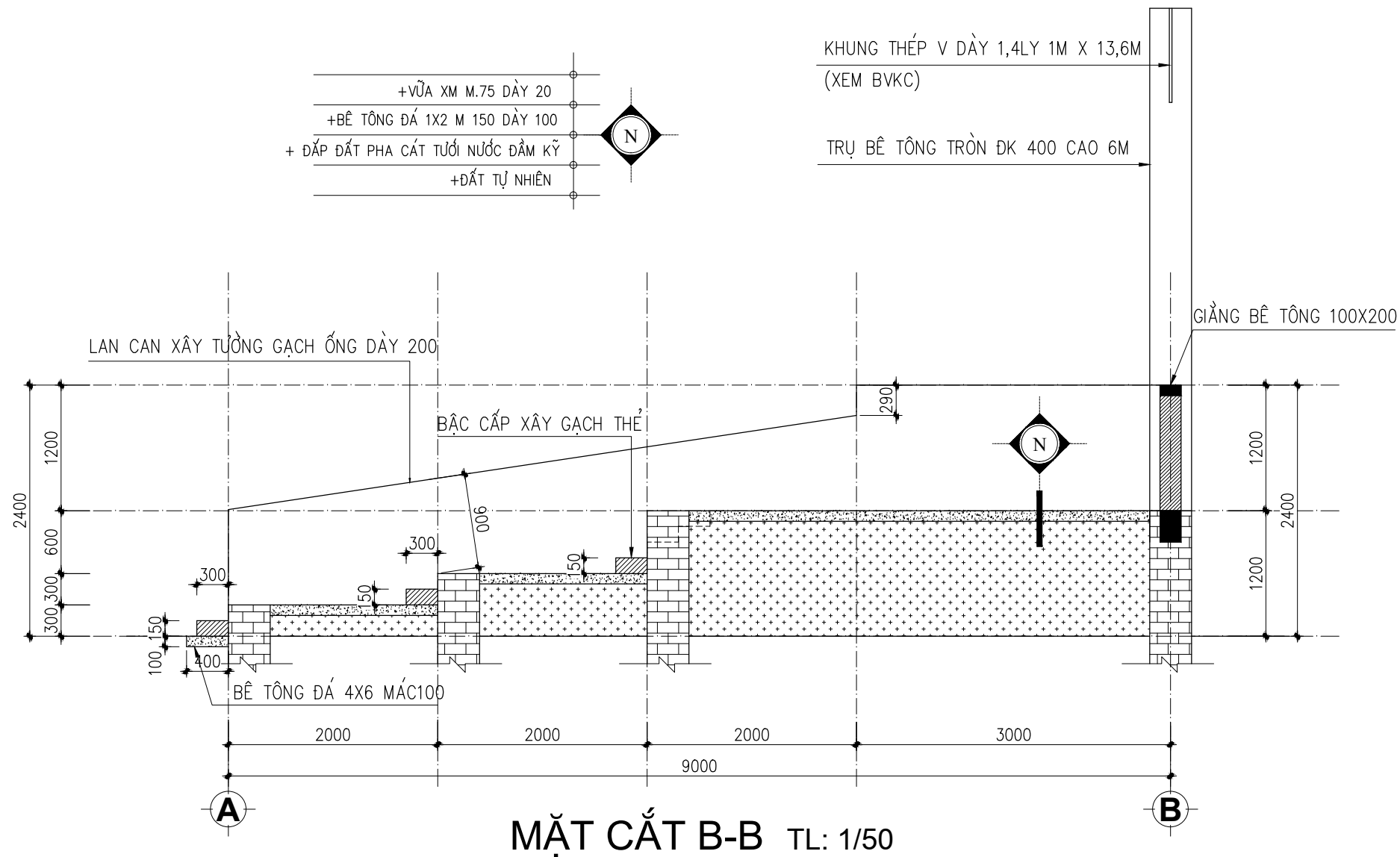
**KHU THỂ THAO X
KHÁN ĐÀI
MẪU QN-KĐ**

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG
MẶT BẰNG MÁI**

NGÀY HT: 11-2016

KÝ HIỆU: KT: 04/06



CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqn.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

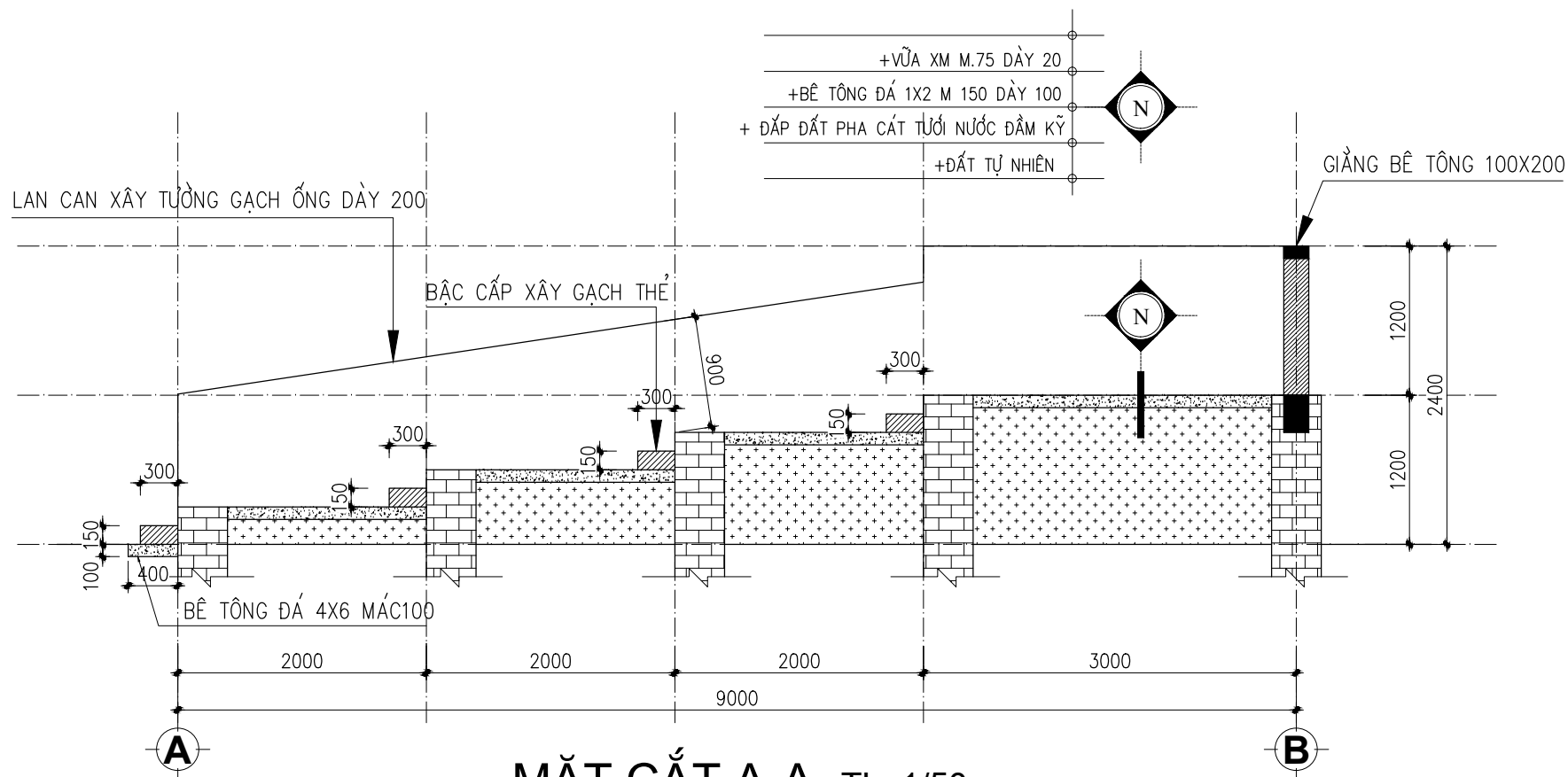
**KHU THỂ THAO X
KHÁN ĐÀI
MẪU QN-KĐ**

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG
MẶT BẰNG MÁI**

NGÀY HT: 11-2016

KÝ HIỆU: KT: 06/06



CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 05103.852711 Fax: 05103.852712
Web: www.xdqnam.gov.vn

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**
Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

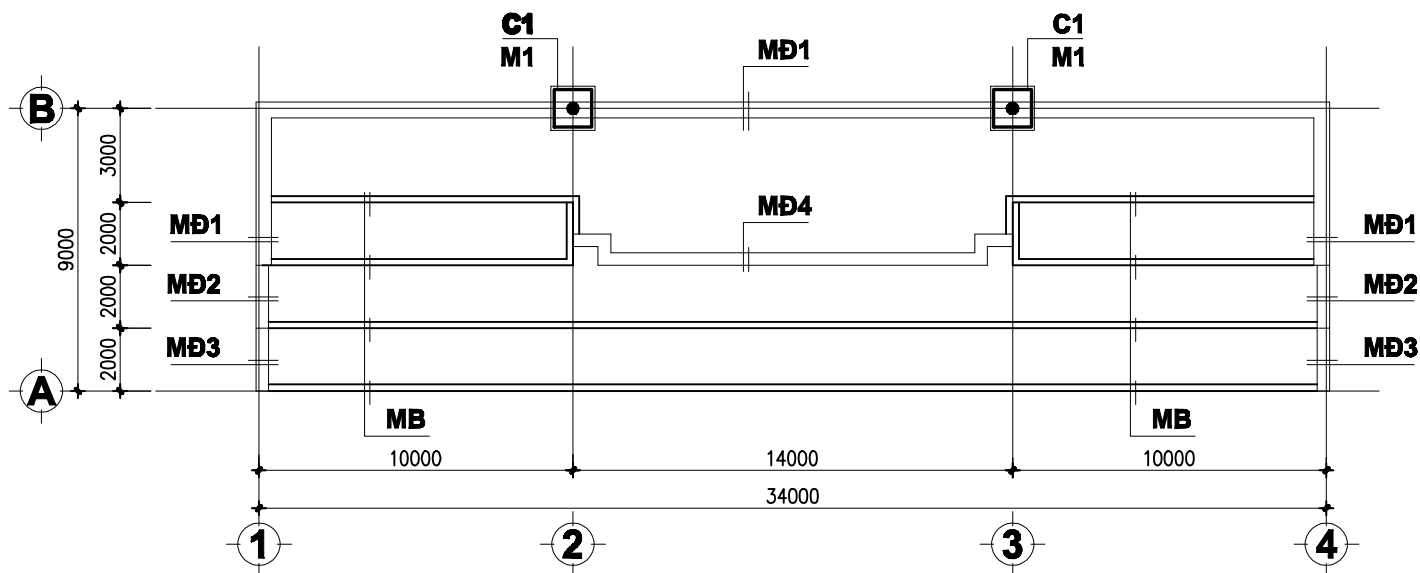
**KHU THỂ THAO X
KHÁNH ĐÀI
MẪU QN-KĐ**

TÊN BẢN VẼ

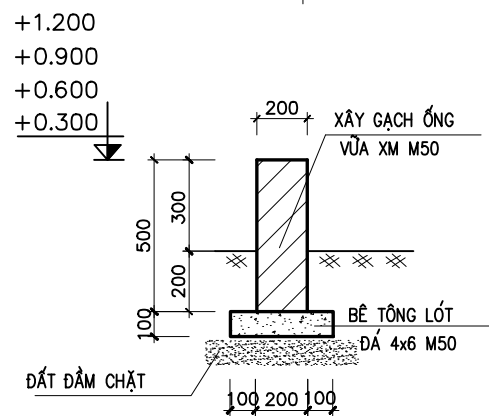
**MẶT BẰNG
MẶT BẰNG MÁI**

NGÀY HT: 11-2016

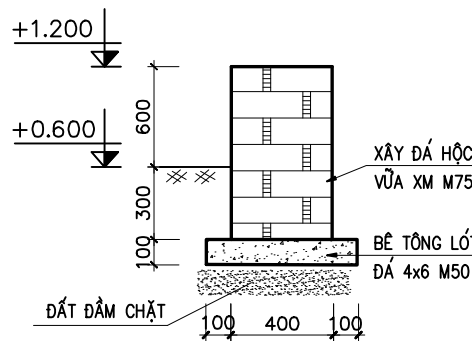
KÝ HIỆU: KT: 05/06



MẶT BẰNG MÓNG, MÓNG ĐÁ TL: 1/200



MB ($\Sigma L=112.60M$)



MD4 ($\Sigma L=15.20M$)

GHI CHÚ:

- THIẾT KẾ MÓNG VỚI CƯỜNG ĐỘ ĐẤT GIẢ ĐỊNH $R=1.2kg/cm^2$
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG DÙNG BÊ TÔNG ĐÁ 40x60 MÁC 50
- BÊ TÔNG MÓNG, GIẺ, CỘT DÙNG BÊ TÔNG ĐÁ 10x20 MÁC 200:
 $R_n=90kg/cm^2$; $R_k=7.5kg/cm^2$
- THÉP $\phi < 10$ DÙNG AI: $R_a=2250kg/cm^2$,
THÉP $\phi \geq 10$ DÙNG AII: $R_a=2800kg/cm^2$

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

SỞ XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Tp. số: 85/11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 0919.687711 Fax: 0919.687712
Web: www.xdqn.gov.vn

QUY HOẠCH

VĂN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM

Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqn@gmail.com Web: quyhoachqn.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

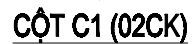
KHU THỂ THAO XÃ KHÁN ĐÀI MẪU QN-KĐ

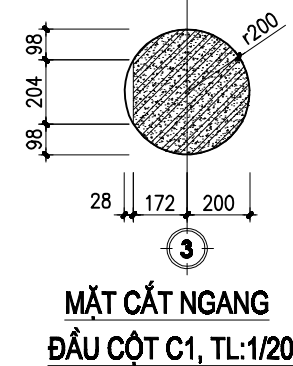
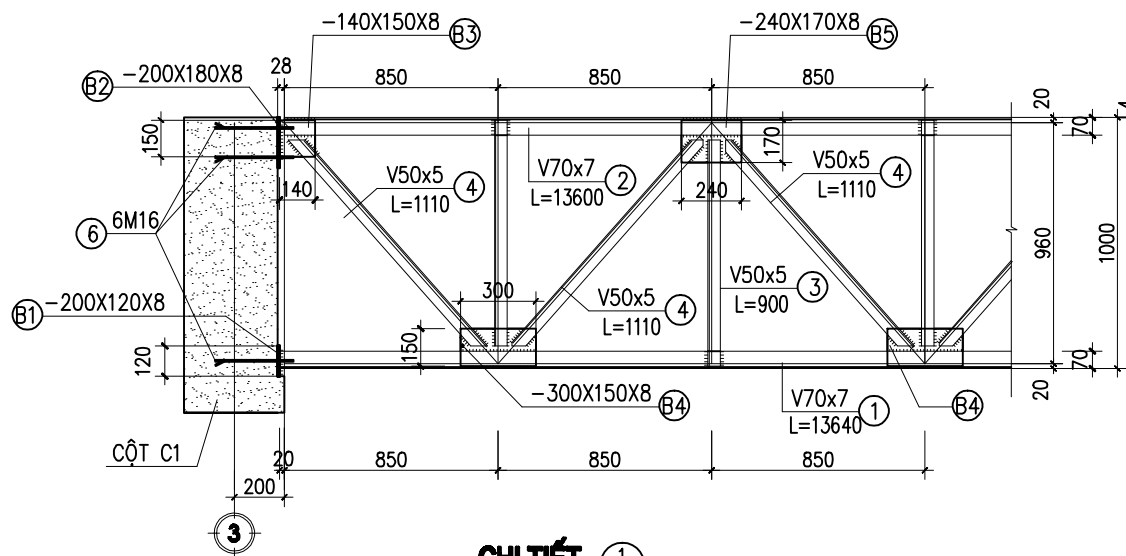
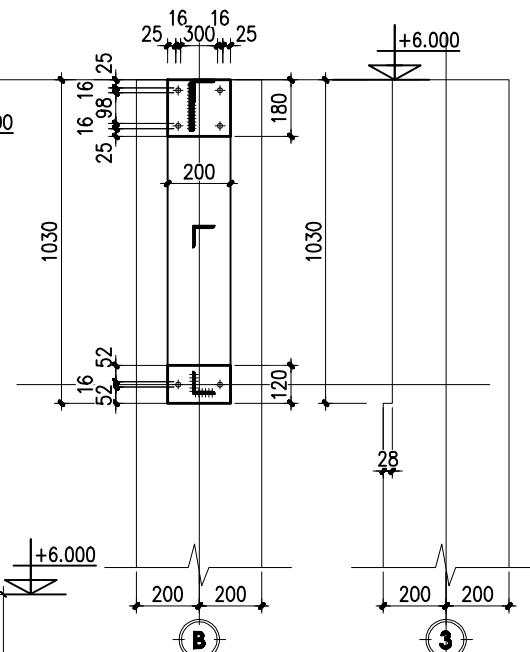
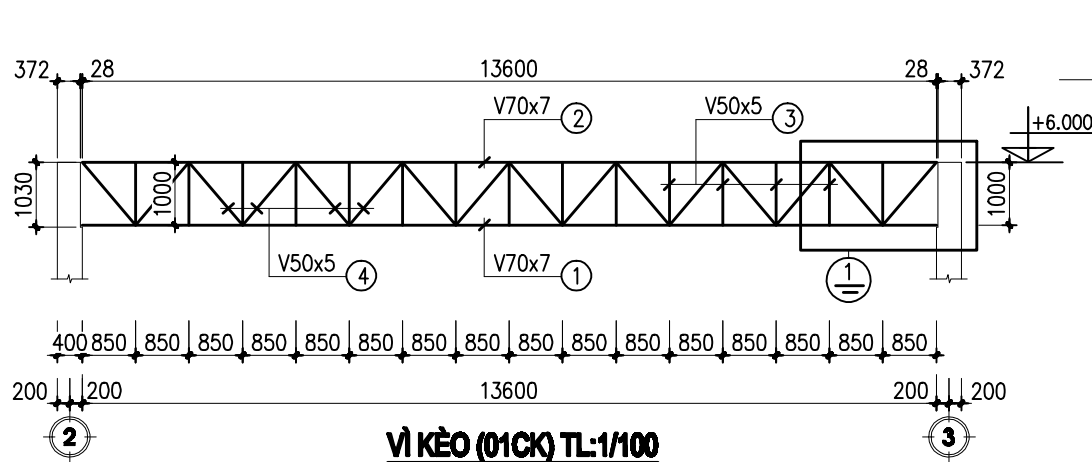
TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG MÓNG, CỘT MB, CHI TIẾT MÓNG ĐÓ NỀN

NGÀY HT: 11-2016

KÝ HIỆU: **NC: 01/04**





CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

SỞ XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: 85/11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 09193.888711 Fax: 09193.888712
Web: www.xdqn.gov.vn

QUY HOẠCH

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM

Institute for Urban and Rural Planning of Quang Nam
Email: quyhoachqn@gmail.com Web: quyhoachqn.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

KHU THỂ THAO XÃ KHÁN ĐÀI MẪU QN-KĐ

TÊN BẢN VẼ

VĨ KÈO THÉP

NGÀY HT: 11-2016

KÝ HIỆU: NC: 01/04

THỐNG KÊ THÉP MÓNG, CỘT, MÓNG ĐÁ

CẤU KIỆN	KÝ HIỆU	HxNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C.ĐÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C.ĐÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
					THANH 1CK	TOÀN BỘ		
M1 (02CK)	1	1150	Ø12	1150	7	14	16.1	14.28
	2	1150	Ø12	1150	7	14	16.1	14.28
	3	2000 300	Ø14	2300	6	12	27.6	33.36
	4	Ø350 (Ø)	Ø6	12100	1	2	24.2	5.38
C1 (02CK)	1	6000	Ø14	6000	6	12	72	87.01
	2	Ø350 (Ø)	Ø6	42900	1	2	85.8	19.07
	3	250	Ø6	250	48	96	24	5.36
MB1	1	44300	Ø12	44300	2	2	88.6	78.66
	2	50 150 50	Ø6	250	220	220	55	12.21
MB2	1	3900	Ø12	3900	2	2	7.8	6.93
	2	50 150 50	Ø6	250	22	22	5.5	1.22
MB3	1	3900	Ø12	3900	2	2	7.8	6.93
	2	50 150 50	Ø6	250	22	22	5.5	1.22

THỐNG KÊ THÉP VÌ KÈO

SỐ HIỆU THANH	KÍCH THƯỚC, TIẾT DIỆN	C. DÀI 1 THANH (MM) DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CỘNG	
			1.CK	T.BỘ	TỔNG D.TÍCH (M2)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
1	V70x7 DÀY 7MM	13640	1	1	0.000931	99.69
2	V70x7 DÀY 7MM	13600	1	1	0.000931	99.39
3	V70x7 DÀY 7MM	900	15	15	0.013965	98.66
4	V70x7 DÀY 7MM	1110	16	16	0.014896	129.80
5	BU LÔNG NỐ Ø12	100	12	12	-	-
B1	-200x120 DÀY 8MM	0.024	2	2	0.048	3.02
B2	-200x180 DÀY 8MM	0.036	2	2	0.072	4.52
B3	-140x150 DÀY 8MM	0.021	2	2	0.042	2.64
B4	-300x150 DÀY 8MM	0.045	8	8	0.36	22.61
B5	-240x170 DÀY 8MM	0.0408	7	7	0.2856	17.94
TỔNG						478.26

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XD NÔNG THÔN MỚI T. QUẢNG NAM

THIẾT KẾ MẪU

CHỖ ĐÓN TRÚ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM

Trụ sở: Số 11, Trần Quý Cáp - Tp. Tam Kỳ
Tel: 09193.693711 Fax: 09193.693712
Web: www.xaydung.gov.vn

CHỖ QUẢN LÝ THIẾT KẾ:



**VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUẢNG NAM**

Institute for Urban and Rural Planning of Quangnam
Email: quyhoachqnam@gmail.com Web: quyhoachqnam.vn

TÊN CÔNG TRÌNH

**KHU THỂ THAO XÃ
KHÁN ĐÀI
MẪU QN-KĐ**

TÊN BẢN VẼ

THỐNG KÊ THÉP

NGÀY HT: 11-2016

KÝ HIỆU: **NC 04/04**

TỔNG HỢP VẬT TƯ

CÔNG TRÌNH: KHU THỂ THAO XÃ KHÁN ĐÀI

STT	TÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU		
1	Ô xy	chai	0,111
2	Đá dăm	m3	2,596
3	Đá dăm 1x2	m3	39,593
4	Đá dăm 4x6	m3	9,995
5	Đá hộc	m3	54,654
6	Đất đèn	kg	0,765
7	Đinh đóng gỗ dài 60	kg	0,072
8	Đinh đĩa	cái	0,531
9	Bu lông M20-M27	cái	22,956
10	Cát mịn M1=0.7-1.4	m3	2,303
11	Cát mịn M1=1.5-2	m3	5,052
12	Cát vàng đổ bê tông	m3	28,06
13	Cát vàng M1>2	m3	29,749
14	Cát nền	m3	208,469
15	Dây thép	kg	4,69
16	Dây thép buộc	kg	0,952
17	Gạch không nung 6lỗ 75x115x170	viên	13.938,872
18	Gạch thẻ không nung 40x75x170	viên	782,64
19	Gỗ đà giáo	m3	0,0
20	Gỗ chống công trình công nghiệp	m3	0,11
21	Gỗ ván cầu công tác	m3	0,03
22	Gỗ ván nhóm 7	m3	0,012
23	Giáo thép	kg	3,192
24	N-ớc	lít	18.086,544
25	Que hàn	kg	5,419
26	Sơn sắt thép	kg	2,298
25	Sơn lót chống kiềm ngoài nhà	kg	17,105
26	Sơn ngoài nhà	kg	31,872
27	Thép hình	kg	504,993

28	Thép tấm	kg	15,427
29	Thép tròn đk14-18	kg	335,029
30	Thép tròn có đốt đk 16 - 20 (ngoại)	kg	0,504
31	Thép tròn D<=10	kg	44,682
32	Xăng	lít	1,205
33	Xi măng PC40	kg	18.476,045
B	CHI PHÍ MÁY TC		
34	Máy trộn beton 250lít	ca	5,068
35	Đầm beton (bàn) 1kw	ca	0,95
36	Đầm beton (dùi) 1,5kw	ca	4,029
37	Máy vận thăng 0,8tấn	ca	0,798
38	Máy trộn vữa 80lít	ca	1,822
39	Cần trục ô tô 10T	ca	0,162
40	Máy hàn 23Kw	ca	1,584
41	Cần trục tháp 25tấn	ca	0,005
42	Máy cắt uốn thép 5,0Kw	ca	0,123
43	Máy đầm cóc	ca	8,665
44	Máy đào một gầu bánh xích 0,8m ³	ca	0,0
C	CHI PHÍ NC		
45	Bạc 3/7	công	148,628
46	Bạc 3,5/7	công	153,984
47	Bạc 4/7	công	88,164